

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày: 12/9/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung;

2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/DS - ST ngày 22/3/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-DS ngày 06/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐST-DS ngày 22/8/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Số 266- 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng N (theo giấy ủy quyền số 3966/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).

Ông Nguyễn Quang T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Vũ T - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Quảng N và ông Phạm Quốc D - chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Quảng N. (ông D có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ chi nhánh: Số 449 đường Quang Trung, thành phố Q, tỉnh Quảng N.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Ngọc P, sinh năm: 1976(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ông Phạm Quốc D trình bày:

1. Đối với hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017: Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của bà Lê Thị Ngọc P, ngày 30/5/2017, Ngân hàng và bà P đã ký Hợp đồng tín dụng số LD1715000360, số tiền vay 40.000.000^d (bốn mươi triệu đồng); mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay 24 tháng; lãi suất vay: 8.28%/năm; phương thức trả nợ: Gốc và lãi trả hàng tháng; hình thức vay: tín chấp. Trong quá trình sử dụng vốn vay, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ vay trên sang nợ quá hạn, tính đến ngày 12/9/2019 bà P chậm trả nợ 449 ngày, hiện nay bà P còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 25.469.991 đồng; trong đó: nợ tiền gốc là 20.008.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.307.049 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.154.942 đồng.

2. Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng: Ngày 31/5/2017, bà Lê Thị Ngọc P đã ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, hạn mức là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 1.75%/tháng, lãi suất quá hạn 2.6%/tháng. Tính đến ngày 12/9/2019, bà P còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 52.603.508 đồng; trong đó: nợ gốc: 35.754.247, nợ lãi: 16.849.261 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Ngọc P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tổng cộng 78.073.499 đồng (bảy mươi tám triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm chín mươi chín đồng); cụ thể:

Hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017, tổng cộng gốc và lãi là 25.469.991 đồng; trong đó: nợ tiền gốc là 20.008.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.307.049 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.154.942 đồng.

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 31/5/2017, tổng cộng gốc và lãi là 52.603.508 đồng; trong đó: nợ gốc: 35.754.247 đồng, nợ lãi: 16.849.261 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2019, bà Lê Thị Ngọc P tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 31/5/2017.

Bà Lê Thị Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có bản trình bày, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do đã vi phạm Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và Lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ 78.073.499 đồng (bảy mươi tám triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm chín mươi chín đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/5/2017.

Bà Lê Thị Ngọc P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Ngọc P đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được thụ lý và xét xử theo thủ tục thông thường.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Ngọc P vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo hợp đồng tín dụng số: LD1715000360 ngày 30/5/2017 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/ 5/2017 nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bị đơn bà Lê Thị Ngọc P.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Lê Thị Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Ngọc P vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới nên Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản

tổ tụng trong thời hạn luật định. Bà Lê Thị Ngọc P không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn ngày 29/5/2017, hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017, giấy nhận nợ ngày 30/5/2017 thể hiện bà Lê Thị Ngọc P có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/5/2017, bảng tóm tắt sao kê, Quyết định về việc ban hành sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam ngày 19/7/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thể hiện Ngân hàng cấp tín dụng cho bà Lê Thị Ngọc P hạn mức là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn: 1.75%/tháng, lãi suất quá hạn 2.6%/tháng, trong thời gian sử dụng thẻ, bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số dư nợ nên ngày 30/9/2018 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Ngọc P phải trả nợ của hai hợp đồng tổng số tiền nợ 78.073.499 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc P trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 78.073.499 đồng; cụ thể:

Hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017, tổng cộng tiền gốc và lãi là 25.469.991 đồng; trong đó: nợ tiền gốc là 20.008.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.307.049 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.154.942 đồng.

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/5/2019, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 52.603.508 đồng; trong đó: nợ gốc 35.754.247 đồng, lãi quá hạn; 16.849.261 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2019, bà Lê Thị Ngọc P có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 31/5/2017.

[2.3]. Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.4]. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.903.674 đồng. (ba triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.511.000 đồng (một triệu, năm trăm mười một nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc bà Lê Thị Ngọc P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 78.073.499 đồng (bảy mươi tám triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm chín mươi chín đồng); cụ thể:

Hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017, tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi là 25.469.991 đồng (hai mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi một đồng); trong đó: nợ tiền gốc là 20.008.000 đồng (hai mươi triệu, không trăm lẻ tám ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 3.307.049 đồng (ba triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, không trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 2.154.942 đồng (hai triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm bốn mươi hai đồng).

Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 31/5/2019, tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 52.603.508 đồng (năm mươi hai triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, trăm lẻ tám ngàn); trong đó: nợ gốc 35.754.247 đồng (ba mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi bốn ngàn, hai trăm bốn mươi bảy đồng), lãi quá hạn: 16.849.261 đồng (mười sáu triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi một đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2019) bà Lê Thị Ngọc P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2017, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 31/5/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc P phải nộp 3.903.674 đồng (ba triệu, chín trăm lẻ ba ngàn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền tạm ứng án phí 1.511.000 đồng (một triệu, năm trăm mười một ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0004131 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Tư Nghĩa
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Cao Trung – Lê Thị Ngọc Lâm

Lê Thị Kim Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Tư Nghĩa
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan